

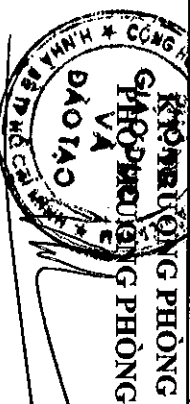
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Vật Lý**

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	vòng 2	Điểm TB	
		NGÀY	THÁNG	NĂM							
1	Đặng Thị Thảo	Vy	18	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	19,50	20	19,75
2	Nguyễn Hoàng Phúc	Hân	4	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	18,00	19,25	18,625
3	Huyhnh Minh	Mân	05	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	17,50	18,75	18,125
4	Nguyễn Minh	Thư	26	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	18,00	16,75	17,375
5	Nguyễn Trần Anh	Thư	20	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	15,50	18	16,75
6	Phạm Vũ Khắc	Đình	15	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	16,75	16,5	16,625
7	Huyhnh Trần Minh	Chiến	23	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	15,00	16,25	15,625
8	Trần Triệu	Vĩ	31	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	13,75	17	15,375
9	Hồ Quan	Minh	07	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	17,75	12,75	15,25
10	Lê Trần Kim	Oanh	27	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	10,00	19,75	14,875
11	Nguyễn Tấn	Vũ	08	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	16,25	13,25	14,75
12	Phan Ngô Tiên	Thịnh	19	11	2004	Bến Tre	9A1	Lê Văn Hưu	13,50	13	13,25
13	Trần Minh	Hiếu	19	7	2004	Vĩnh Long	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	7,75	18,75	13,25
14	Võ Minh	Thắng	24	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	13,00	13	13
15	Phạm Thị Tuyết	Hồng	16	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	9,25	16,25	12,75
16	Tô Thế	Hân	15	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	12,50	12	12,25
17	Lê Võ Thảo	Vy	20	07	2004	Bến Tre	9A1	Lê Thành Công	14,00	10	12
18	Nguyễn Đoàn Minh	Băng	11	5	2004	Vĩnh Long	9a2	Hiệp Phước	7,25	16	11,625
19	Nguyễn Thị Diệp	Vĩ	25	09	2004	Hà Tây	9A1	Lê Thành Công	7,50	11,5	9,5
20	Dương Thanh	Toàn	24	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Văn Hưu	8,00	10	9

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toàn



LÊ THANH HẢI

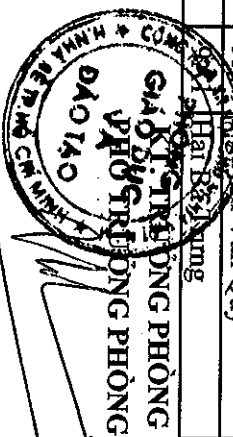
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Toán

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	vòng 2	điểm TB
		NGÀY	THÁNG	NĂM						
1	Vũ Minh Chiến	1	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	16,50	16	16,25
2	Lê Dương Tấn Minh	23	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	16,00	14,25	15,125
3	Huyền Ngọc Trâm	25	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	12,25	17	14,625
4	Lương Minh Phước	22	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	10,50	18	14,25
5	Nguyễn Hữu Bảo	30	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	8,00	18	13
6	Phan Đức Trí	24	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	13,75	11,75	12,75
7	Nguyễn Hoài Nam	01	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	12,00	13,5	12,75
8	Trần Đình Phương Linh	26	4	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	9,00	16,5	12,75
9	Nguyễn Tạ Quỳnh Thuong	7	10	2004	Bình Phước	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	7,50	17	12,25
10	Ngô Huỳnh Nhã Linh	08	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	11,75	12,25	12
11	Phạm Minh Hiền	4	8	2004	Long An	9a5	Nguyễn Bình Khiêm	8,00	15,75	11,875
12	Luyện Hùng Lâm	19	12	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	8,50	14,5	11,5
13	Võ Thiên Phú	7	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	7,75	12,75	10,25
14	Đặng Thị Bích Trâm	07	02	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A1	Nguyễn Văn Quý	7,50	11	9,25
15	Lê Quốc Huy	29	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Nguyễn Văn Quý	7,50	6,75	7,125

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan
Người đo điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toàn



LÊ THANH HẢI

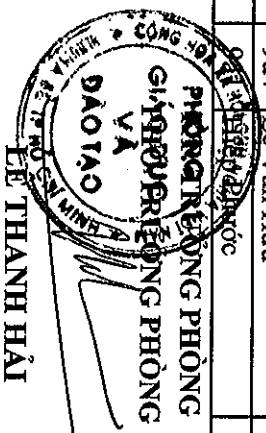
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Hóa học

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỞNG	VÒNG 1	Vòng 2	Điểm th
		NGÀY	THÁNG	NĂM						
1	Lê Hồng Thuận	05	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	20,00	17,8	18,9
2	Nguyễn Thị Hoa Loan	6	5	2004	Quảng Nam	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	16,30	18,5	17,4
3	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	09	12	2004	Thái Bình	9a4	Lê Văn Hưu	18,30	16	17,15
4	Trịnh Hoàng Ngọc Lâm	13	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	16,50	16,3	16,4
5	Bùi Anh Dương	14	8	2004	Quảng Nam	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	14,30	17,5	15,9
6	Huyền Hoàng Trúc Giang	18	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	13,00	18,5	15,75
7	Lê Thị Khánh Linh	19	02	2004	Thanh Hóa	9A4	Nguyễn Văn Quý	16,50	13,5	15
8	Nguyễn Hồng Phương Vi	9	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Nguyễn Bình Khiêm	13,00	16,5	14,75
9	Nguyễn Ngọc Như Hàn	24	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	17,00	11,8	14,4
10	Nguyễn Thị Kiều Anh	28	02	2004	Thái Bình	9A3	Hai Bà Trưng	14,00	14,8	14,4
11	Lê Thị Như Quỳnh	06	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	14,75	13,5	14,125
12	Trần Nguyễn Khánh Linh	15	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	11,80	16,3	14,05
13	Đặng Quốc Huy	14	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	14,30	13,5	13,9
14	Trần Quốc Huy	28	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	10,25	12,8	11,525
15	Nguyễn Thảo Vân	07	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	11,00	11	11
16	Cao Ngọc Quỳnh Như	10	11	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	16,00	5,8	10,9
17	Trần Thị Kim Tuyền	11	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	11,00	10,3	10,65
18	Bùi Thị Ngọc Trâm	18	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	10,00	7,3	8,65
19	Ngô Nghi	9	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	10,50	3	6,75

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *TKL*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiêm Toàn *ZL*



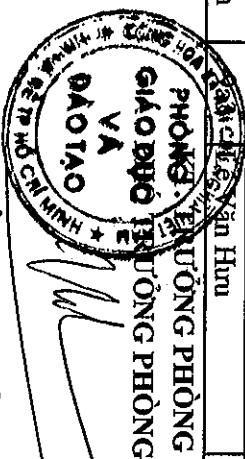
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Ngữ văn

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	VÒNG 2	ĐIỂM TB
		NGÀY	THÁNG	NĂM						
1	Nguyễn Huỳnh Thảo Vy	9	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	16,00	14,5	15,25
2	Trần Minh Kha	07	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	15,50	14	14,75
3	Nguyễn Ngọc Kim Quỳnh	6	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	12,00	13,5	12,75
4	Phạm Thị Mỹ Nguyên	03	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	11,50	14	12,75
5	Hồ Ngọc Thanh Vy	03	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	13,00	12	12,5
6	Ngô Thị Mỹ Duyên	17	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	12,00	13	12,5
7	Lê Huỳnh Thảo Nhi	05	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	12,00	13	12,5
8	Dương Thị Hồng Gấm	17	09	2004	Đồng Nai	9a4	Lê Văn Hưu	13,00	11,5	12,25
9	Nguyễn Đoàn Hoàng Oanh	15	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	13,00	11,5	12,25
10	Huỳnh Ngọc Khánh An	24	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	12,50	12	12,25
11	Lê Thị Kim Hương	06	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	12,00	12,5	12,25
12	Cao Nguyễn Triệu Vy	12	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	12,00	12,5	12,25
13	Từ Ngọc Thanh Như	26	3	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A2	Hiệp Phước	11,50	13	12,25
14	Võ Đình Song Hương	2	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10	Nguyễn Bình Khiêm	12,00	12	12
15	Võ Kim Thi	16	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	12,00	12	12
16	Trần Nguyễn Kim Hoàn	26	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	12,50	11	11,75
17	Vũ Thu Hiền	01	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Lê Văn Hưu	12,00	11,5	11,75
18	Võ Ngọc My	30	04	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	11,50	12	11,75
19	Trương Gia Bảo Ngọc	14	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Lê Văn Hưu	13,00	10	11,5
20	Nguyễn Hồng Nhi	30	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lê Văn Hưu	11,50	11,5	11,5

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *Nh*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toàn *W*



LÊ THANH HẢI

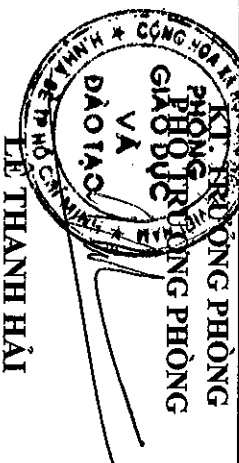
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Tin học

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỞNG	Vòng 1	Vòng 2	Điểm TB
		NGÀY	THÁNG	NĂM						
1	Phạm Lê Tường Vy	08	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3 Lê Văn Hưu	14,00	17,9	15,95	
2	Phạm Huỳnh Thanh Hưng	09	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2 Hiệp Phước	11,00	17,9	14,45	
3	Phạm Thạch Thanh Trúc	19	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a10 Nguyễn Bình Khiêm	9,00	17,9	13,45	
4	Đặng Đăng Khôi	12	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4 Lê Văn Hưu	11,00	15,7	13,35	
5	Đào Hải Đăng	21	09	2004	Hà Nam	9a2 Lê Văn Hưu	13,00	10,1	11,55	
6	Ngô Anh Duy	22	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1 Hai Bà Trưng	12,00	10,8	11,4	
7	Phạm Lê Tuấn Kiệt	02	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2 Hiệp Phước	9,00	12	10,5	
8	Nguyễn Thanh Thuận	11	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A2 Hiệp Phước	8,00	10	9	

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toán



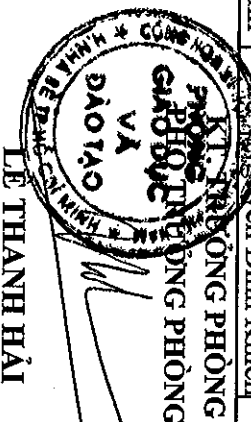
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Công nghệ

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỞNG	ĐIỂM THI VÒNG 1					Vòng 2	Điểm TB
		NGÀY	THÁNG	NĂM				Thao	tác	LT	TH	TC		
1	Trần Kha	06	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Văn Hưu	1,50	0,30	6,50	8,30	9,5	8,9	
2	Đặng Quốc Hưng	22	06	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	1,50	0,75	4,75	7,00	9,3	8,15	
3	Lê Trường Giang	20	10	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	1,50	0,45	4,50	6,45	7,7	7,075	
4	Phan Thành Đại	23	12	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	1,50	0,60	4,50	6,60	7,55	7,075	
5	Nguyễn Văn Thanh Tú	7	5	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	1,50	0,75	6,75	9,00	4,7	6,85	
6	Nguyễn Gia Nguyễn	15	9	2004	Bình Định	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	1,50	0,45	6,50	8,45	5	6,725	
7	Nguyễn Thanh Trí	04	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Văn Hưu	1,50	0,00	5,25	6,75	6,3	6,525	
8	Lê Nguyễn Hành Như	09	09	2004	Long An	9A3	Lê Thành Công	1,50	0,45	6,50	8,45	4,15	6,3	
9	Nguyễn Tuấn Anh	25	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	1,50	0,30	4,75	6,55	5,95	6,25	
10	Nguyễn Lê Tân	30	8	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	1,50	0,00	5,25	6,75	4,7	5,725	

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *NKL*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toàn *CVV*

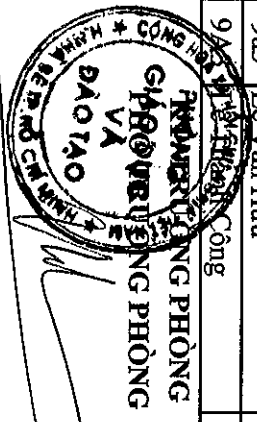


LÊ THANH HẢI

**KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Sinh học**

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	Vòng 2	Điểm TB	
		NGÀY	THÁNG	NĂM							
1	Lý Thị Kiều	Nương	07	10	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	8,00	17,75	12,875
2	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	14	09	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	9,25	16,5	12,875
3	Lê Hoài	Thanh	14	2	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	7,00	17,5	12,25
4	Nguyễn Thị Hồng	Như	04	01	2004	Vĩnh Long	9A4	Nguyễn Văn Quý	8,00	15,75	11,875
5	Đặng Quế	Tân	27	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	7,25	15,5	11,375
6	Thái Nhã	Chi	19	8	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9a8	Nguyễn Bình Khiêm	10,00	12,75	11,375
7	Nguyễn Thị Kim	Hồng	26	12	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	8,25	14,25	11,25
8	Nguyễn Đức	Anh	21	11	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9a3	Nguyễn Bình Khiêm	10,25	12	11,125
9	Đỗ Thị Kim	Ngân	24	6	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	8,50	13,25	10,875
10	Phùng Ngọc Quỳnh	Hương	05	06	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	10,50	11	10,75
11	Lê Thị Kim	Thoa	11	08	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	8,25	12,75	10,5
12	Vũ Tuyết	Ngân	27	10	2004	Nam Định	9a1	Lê Văn Hưu	8,00	12,75	10,375
13	Nguyễn Huỳnh Phương	Trinh	06	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	8,25	11,75	10
14	Đặng Thị	Phuong	10	11	2004	Hưng Yên	9A1	Lê Thành Công	8,50	11,5	10
15	Trần Lê Anh	Lợi	20	01	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	9,00	11	10
16	Đình Hoàng	Cầm	15	07	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	8,25	11,5	9,875
17	Nguyễn Lê Hoàng	Vinh	19	04	2004	Tiền Giang	9a4	Lê Văn Hưu	9,25	10	9,625
18	Nguyễn Ngọc	Linh	22	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	8,00	10,75	9,375
19	Cao	Phúc	02	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	8,00	10	9
20	Phạm Trung	Hiệu	29	05	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A3	Lê Văn Hưu	6,00	10,25	8,125

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan
Người dò điểm: Cam Văn V6 Kiểm Toán



LÊ THANH HẢI

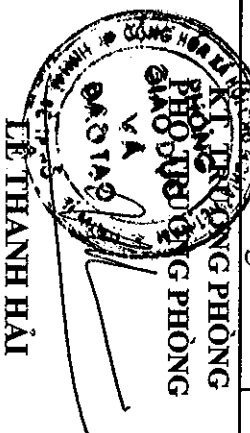
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Tiếng Anh

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	Vòng 2	Điểm TB
		NGÀY	THÁNG	NĂM						
1	Nguyễn Thị Kim Hoa	07	08	2004	Đồng Nai	9a3	Lê Văn Hữu	13,10	17,2	15,15
2	Trịnh Nguyễn Anh Khôi	02	10	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hữu	12,50	16,9	14,7
3	Trần Khánh Duy	21	10	2004	Đồng Nai	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	8,70	17	12,85
4	Thạch Thị Thanh Thảo	29	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hữu	9,50	16	12,75
5	Lê Thanh Trúc	16	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hữu	9,20	15,4	12,3
6	Phạm Lâm Gia Hân	1	9	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	8,20	16,2	12,2
7	Trần Bạch Tố Như	29	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	9,00	13,4	11,2
8	Lâm Dương Trường Hậu	04	02	2004	Cà Mau	9A1	Lê Thành Công	10,60	11,7	11,15
9	Nguyễn Trần Phương Nhi	27	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	8,40	13,1	10,75
10	Nguyễn Anh Phát	26	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Hai Bà Trưng	8,70	12,7	10,7
11	Võ Xuân Lan	07	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A1	Trần Bà Trưng	8,20	7,6	7,9

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *gml*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiêm Toàn *gml*



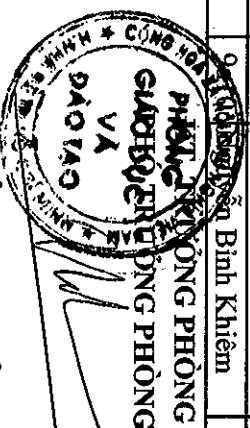
ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Địa lý

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	VÒNG 1	vòng 2	Điểm TB	
		NGÀY	THÁNG	NĂM							
1	Võ Thị Cẩm . .	Nhung	26	6	2004	Long An	9a2	Hiệp Phước	13,75	14,25	14
2	Nguyễn Thị Kim	Yến	14	01	2004	TP.Hồ Chí Minh	9A1	Phước Lộc	17,00	10,5	13,75
3	Nguyễn Phi	Long	04	02	2004	Kiên Giang	9A1	Lê Thành Công	13,75	13,25	13,5
4	Phạm Ngọc Kim	Ngân	14	10	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	14,50	12	13,25
5	Nguyễn Ngọc	Tiền	12	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	14,25	12,25	13,25
6	Trần Hoàng Trọng	Phước	12	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	13,75	12,5	13,125
7	Trương Anh	Kiệt	02	06	2004	TP.Hồ Chí Minh	9A1	Lê Thành Công	14,25	11,75	13
8	Hồ Ngọc Tuyết	Nhi	15	9	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	13,50	12,5	13
9	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	27	7	2004	Long An	9a2	Hiệp Phước	13,50	12,25	12,875
10	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	14,50	11	12,75
11	Lê Thị Từ	Vy	08	02	2004	Tp. Hồ Chí Minh	9A4	Nguyễn Văn Quý	12,25	13	12,625
12	Trần Cẩm	Ngân	09	04	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	12,75	12,25	12,5
13	Phạm Như	Quỳnh	4	8	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	14,00	10,5	12,25
14	Nguyễn Đức	Đạt	14	04	2004	Đồng Nai	9a1	Lê Văn Hưu	11,75	12	11,875
15	Lý Xuân	Mai	09	03	2004	Thanh Hóa	9A4	Nguyễn Văn Quý	12,75	10	11,375
16	Nguyễn Hữu	Nghĩa	30	05	2004	Bến Tre	9A2	Lê Thành Công	12,50	10	11,25
17	Nguyễn Nhật Đăng	Khoa	15	9	2004	TP.Hồ Chí Minh	9a1	Hiệp Phước	11,50	11	11,25
18	Nguyễn Huỳnh	Như	03	02	2004	Long An	9a4	Lê Văn Hưu	11,50	10,25	10,875
19	Huỳnh Thị Hoàng	Linh	14	07	2004	TP.Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	13,25	8,25	10,75
20	Ve	Samy	29	1	2004	TP.Hồ Chí Minh	9A3	Nguyễn Văn Bình Khiêm	12,00	9,5	10,75

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *JKL*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiêm Toàn *CVV*



LÊ THANH HẢI

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ THI HỌC SINH GIỎI CẤP HUYỆN
NĂM HỌC 2018 - 2019
MÔN: Lịch sử**

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH			NƠI SINH	LỚP	TRƯỜNG	MÔN THI	VÒNG		Điểm TB	
		NGÀY	THÁNG	NAM					1	vòng 2		
1	Nguyễn Ngọc Thảo	Vy	29	09	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A8	Hai Bà Trưng	Lịch Sử	19,00	13	16
2	Nguyễn Thị Ngọc Cẩm	Cẩm	02	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch Sử	18,00	15	16,5
3	Huyền Ngọc Tố Như	Như	18	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9A3	Hai Bà Trưng	Lịch Sử	17,50	14,75	16,125
4	Huyền Ang Hải Yến	Yến	28	07	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch Sử	17,00	14,25	15,625
5	Võ Ngọc Cẩm Hằng	Hằng	21	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch Sử	13,00	15,75	14,375
6	Phan Mỹ Ngọc	Ngọc	2	1	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a7	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch Sử	15,50	13	14,25
7	Lê Thị Kim Yến	Yến	17	12	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch Sử	15,50	12,5	14
8	Huyền Như Ý	Ý	06	05	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a3	Lê Văn Hưu	Lịch Sử	14,50	13,5	14
9	Nguyễn Huỳnh Hương Giang	Giang	26	11	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch Sử	13,00	14,5	13,75
10	Lê Thị Bé Thùy	Thùy	30	07	2003	Tri Tôn, An Giang	9A4	Lê Thành Công	Lịch Sử	14,50	12,5	13,5
11	Dương Bảo Trân	Trân	14	03	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a4	Lê Văn Hưu	Lịch Sử	14,50	11	12,75
12	Phạm Ngọc Anh Thu	Thu	22	11	2003	TP. Hồ Chí Minh	9A4	Lê Thành Công	Lịch Sử	13,50	11,75	12,625
13	Võ Anh Thu	Thu	24	7	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch Sử	11,50	13,5	12,5
14	Huyền Tấn Phát	Phát	3	3	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch Sử	10,25	13,5	11,875
15	Phạm Tiến Thành	Thành	2	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch Sử	12,00	10,75	11,375
16	Lê Võ Hoàng Triệu Vy	Vy	18	02	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a1	Lê Văn Hưu	Lịch Sử	12,00	10	11
17	Đào Dược Ngọc	Ngọc	15	6	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a9	Nguyễn Bình Khiêm	Lịch Sử	10,00	12	11
18	Lý Thị Mỹ Tâm	Tâm	18	06	2004	An Giang	9A2	Lê Thành Công	Lịch Sử	9,00	12,75	10,875
19	Bùi Thị Anh Thu	Thu	7	5	2004	Tiền Giang	9a2	Hiệp Phước	Lịch Sử	10,00	10,25	10,125
20	Nguyễn Thị Kim Chi	Chi	23	2	2004	TP. Hồ Chí Minh	9a2	Hiệp Phước	Lịch Sử	10,00	10	10

Người nhập điểm: Nguyễn Thị Kim Lan *NS*
Người dò điểm: Cam Văn Võ Kiểm Toàn *ST*

